

Phụ lục 1
CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CCHC ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
I	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CCHC THEO LĨNH VỰC		95		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC CỦA SỞ, BAN, NGÀNH	23	15		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4,5	3		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1,5	1	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	Thêm thời gian ban hành muộn kế hoạch CCHC
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định = 1;</i>				
	<i>Ban hành trong tháng 1 của năm kế hoạch = 0,75;</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn = 0,5;</i>				
	<i>Không ban hành = 0.</i>				
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của sở, ban, ngành	0,5	0,5	nt	
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0,5; Không xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0</i>				
1.1.3	Các kết quả phải được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	1	0,5	nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 0,5; Không đạt yêu cầu = 0</i>				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC của sở, ban, ngành	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo năm của sở, ban, ngành	Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
1.2	Bố trí kinh phí chỉ đạo, triển khai công tác CCHC (không bố trí kinh phí lồng ghép với các nội dung khác)	0,5	1	Căn cứ TLKC: Chứng từ chi của sở, ban, ngành	Tách riêng thành TC riêng, không nằm trong TC xây dựng KH năm nhằm để các cơ quan quan tâm bố trí kinh phí hoạt động cho CCHC
	<i>Có bố trí kinh phí = 1; Không bố trí kinh phí = 0</i>				
1.3	Báo cáo CCHC	4	2,5		
1.3.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	3	2	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 2. Thiếu báo cáo thì trừ 0,5 điểm/1 báo cáo; có báo cáo nhưng chậm thời gian thì trừ 0,25 điểm/1 báo cáo.</i>				Có báo cáo nhưng chậm thời gian thì trừ 0,25 điểm/1 báo cáo.
1.3.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn (Riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm phải có các biểu mẫu kèm theo)	1	0,5	nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 0,5; Không đạt yêu cầu = 0 (Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm nếu thiếu biểu mẫu bị trừ 0,25/1 báo cáo)</i>				Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm nếu thiếu biểu mẫu bị trừ 0,25/1 báo cáo.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
1.4	Kiểm tra công tác CCHC đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc	2	2		
1.4.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị thuộc sở, ban, ngành (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có KHKT riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì xây dựng kế hoạch lồng ghép nhưng phải cụ thể trong kế hoạch CCHC năm)	1	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có KHKT riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì xây dựng kế hoạch lồng ghép nhưng phải cụ thể trong kế hoạch CCHC năm
	<i>Có kế hoạch kiểm tra số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc: Trên 50% = 0,5; Từ 30% đến 50% = 0,25; Dưới 30% hoặc không có kế hoạch = 0</i>				Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn;
1.4.2	Báo cáo kết quả kiểm tra CCHC (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có báo cáo kiểm tra riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì khi làm báo cáo năm phải lồng ghép báo cáo kiểm tra nhưng phải cụ thể)	0,5	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo kiểm tra của sở, ban, ngành	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
1.4.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5	1	nt	Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn;
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
1.5	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5	1		
1.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc có kế hoạch cụ thể nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc đăng ký phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tuyên truyền)	0,5	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	
	<i>Có kế hoạch = 0,5; Không có kế hoạch = 0</i>				
1.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo năm của sở, ban, ngành	Giảm điểm vì thực tế công tác tuyên truyền ở cấp sở, ngành không nhiều.
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,3;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
1.6	Có quy định, quy chế bằng văn bản gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1	0,5	Căn cứ TLKC: Quy chế, quy định của sở, ban, ngành	
	<i>Có quy chế, quy định của sở, ban, ngành = 0,5; Không có = 0</i>				
1.7	Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC		2		Thêm mới TC này để gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện công tác CCHC
1.7.1	Phân công trách nhiệm phụ trách công tác CCHC		1	Căn cứ TLKC: Quy chế, quy định của sở, ban, ngành	
	<i>Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phụ trách công tác CCHC = 1; □</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Phân công cho cấp phó cơ quan, đơn vị phụ trách công tác CCHC = 0</i>				
1.7.2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, báo cáo CCHC của sở, ban, ngành		1	Căn cứ TLKC: Quy chế, quy định của sở, ban, ngành	
	<i>100% văn bản do người đứng đầu trực tiếp ban hành = 1;</i>				
	<i>Có một số văn bản do cấp phó ban hành = 0,5;</i>				
	<i>100% văn bản do cấp phó ban hành = 0</i>				
1.8	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của sở, ban, ngành		3		
1.8.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
1.8.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Văn bản được ban hành kịp thời: Trên 90% = 1; Từ 70%-90% = 0,75; Từ 50%- dưới 70% = 0,5; Dưới 50% = 0</i>				
1.8.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1,5	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	10,5	11		
2.1	Tham mưu xây dựng văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành				Trường hợp có đăng ký ban hành văn bản QPPL nhưng không được UBND tỉnh đưa vào chương trình ban hành văn bản QPPL trong năm hoặc không được HĐND, UBND tỉnh giao tham mưu văn bản QPPL nào thì chấm = 1 vì có những đơn vị trong năm không tham mưu ban hành văn bản QPPL.
	Trường hợp có đăng ký ban hành văn bản QPPL nhưng không được UBND tỉnh đưa vào chương trình ban hành văn bản QPPL trong năm hoặc không được HĐND, UBND tỉnh giao tham mưu văn bản QPPL nào thì chấm = 1	1	1,5		
2.1.1	Mức độ thực hiện của sở, ban, ngành trong việc tham mưu UBND tỉnh xây dựng văn bản QPPL hàng năm theo chương trình xây dựng văn bản QPPL của tỉnh đã được phê duyệt hoặc được giao (văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh và văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình)	0,5	1	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, kết hợp theo dõi, đôn đốc của Sở Tư pháp	Thay đổi tên TCTP; tăng mức độ thực hiện kế hoạch tham mưu xây dựng văn bản QPPL, tăng điểm.
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	0,5	0,5	nt	
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>				
2.2	Mức độ phù hợp, tính khả thi và tính hiệu quả của Hệ thống văn bản QPPL do sở, ban, ngành tham mưu ban hành	3	3		Tách thành TC riêng.
2.2.1	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của văn bản QPPL do sở, ban, ngành tham mưu ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2.2.2	Tính khả thi của văn bản QPPL do sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2.2.3	Tính hiệu quả của văn bản QPPL do sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	3	2		
2.3.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của sở, ban, ngành (ban hành kế hoạch riêng hoặc chung trong kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL của sở, ban, ngành)	1	0,5	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, kết hợp theo dõi đôn đốc của Sở Tư pháp	
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 01 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 02 = 0,25</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1	1	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, kết hợp theo dõi đôn đốc của Sở Tư pháp	Tăng mức độ thực hiện kế hoạch
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.3.3	Thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi rà soát, hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị theo quy định.	1	0,5	nt	Thay đổi tên (trước đây là "Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra")
	<i>Thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL = 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định = 0</i>				
2.4	Tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành	2,5	2		
2.4.1	Ban hành kế hoạch tự kiểm tra văn bản QPPL tại sở, ban, ngành (Kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của sở, ban, ngành nhưng phải cụ thể, chi tiết)	0,5	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 01 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 02 = 0,25</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
2.4.2	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tự kiểm tra, xử lý văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	0,5	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo tự kiểm tra của sở, ban, ngành	
	<i>Phối hợp thực hiện đạt 100% so với kế hoạch = 1</i>				
	<i>Phối hợp thực hiện từ 80% đến dưới 100% so với kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Phối hợp thực hiện từ 50% đến dưới 80% so với kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Phối hợp thực hiện dưới 50% so với kế hoạch = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
2.4.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	nt	
	<i>100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,4</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,3</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% hoặc không kiến nghị xử lý = 0</i>				
2.5	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành	1,5	2,5		
2.5.1	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành	0,5	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Đạt 100% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 1</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0,75</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0</i>				
2.5.2	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, đơn đốc, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Ban hành kế hoạch đảm bảo thời gian quy định = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch chậm dưới 01 tháng so với thời gian quy định = 0,3</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch chậm từ 01 tháng trở lên hoặc không ban hành = 0</i>				
2.5.3	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Thêm mới TCTP này để đánh giá việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11,5	15		
3.1	Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC	2,5	3		
3.1.1	Ban hành Kế hoạch	1,5	1	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 = 1</i>				
	<i>Ban hành trong tháng 02 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	2	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Thực hiện 100% nội dung kế hoạch = 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% nội dung kế hoạch = 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% nội dung kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% nội dung kế hoạch = 0</i>				
3.2	Kiểm soát việc ban hành các văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh Trường hợp không được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tham mưu văn bản quy định về TTHC thì chấm = 1	2	1,5		
3.2.1	Thực hiện quy trình tự đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC theo biểu mẫu tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP	2	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0</i>				
3.2.2	Gửi lấy ý kiến, thẩm định của Sở Tư pháp đối với quy định về TTHC		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Thêm mới TCTP
	<i>Thực hiện theo đúng quy định = 1</i>				
	<i>Không thực hiện = 0</i>				
3.3	Công bố, công khai TTHC và kiểm soát việc thực hiện TTHC	6	8		
3.3.1	Cập nhật kịp thời các quy định về TTHC mới ban hành, bổ sung, sửa đổi để trình UBND tỉnh công bố	1	2	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Cập nhật, công bố kịp thời = 2</i>				
	<i>Cập nhật, công bố không kịp thời = 1</i>				
	<i>Không cập nhật = 0</i>				
3.3.2	Thực hiện việc công khai, minh bạch các TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ dưới 02 hình thức niêm yết trên bảng và đóng thành sổ hướng dẫn	2	1,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Công khai đầy đủ 100% theo quy định = 1,5</i>				
	<i>Công khai từ 90% đến dưới 100% theo quy định = 1</i>				
	<i>Công khai từ 80% đến dưới 90% theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Công khai từ 70% đến dưới 80% theo quy định = 0,25</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Công khai dưới 70% theo quy định = 0</i>				
3.3.3	Công khai các TTHC trên Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	3	1		
	<i>Có công khai = 1</i>				
	<i>Không công khai = 0</i>				
3.3.4	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ		0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Thêm mới, tách ra thành TC riêng đảm bảo quy định Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/2/2014 của Bộ Tư pháp
	<i>Công khai theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Không công khai đúng quy định = 0</i>				
3.3.5	Kiểm soát việc tổ chức thực hiện các TTHC theo đúng quy định của pháp luật	1	2	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Thực hiện 100% các TTHC theo đúng quy định = 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% TTHC theo đúng quy định = 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 90% TTHC theo đúng quy định = 1</i>				
	<i>Dưới 70% TTHC thực hiện đúng quy định = 0,25</i>				
3.3.6	Tổ chức tự kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo quy định tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Thông tư số 25/2014/TT-BTP		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Thêm mới TCTP
	<i>Có tổ chức và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra cho Sở Tư pháp = 1</i>				
	<i>Không tổ chức = 0</i>				
3.4	Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản QPPL		2,5		Thêm mới TC
3.4.1	Có nội dung, danh mục rà soát TTHC trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm; đảm bảo đúng theo yêu cầu của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP		1		
	<i>Có nội dung, danh mục TTHC rà soát trọng tâm = 1</i>				
	<i>Không có nội dung, danh mục TTHC rà soát trọng tâm = 0</i>				
3.4.2	Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC trọng tâm		1,5		
	<i>Có phương án đơn giản hóa, cải cách TTHC được UBND tỉnh thông qua = 1,5</i>				
	<i>Có kết quả rà soát gửi Sở Tư pháp nhưng trong kết quả không có sáng kiến phương án đơn giản hóa, cải cách TTHC = 1</i>				
	<i>Không có kết quả rà soát TTHC = 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10	10		
4.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm	3	1,5		Chuyển từ lĩnh vực 5 lên lĩnh vực 4 phù hợp với chức năng nhiệm vụ;

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
4.1.1	Tỷ lệ đơn vị thuộc và trực thuộc có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1,5	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Gộp cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp để tính tỷ lệ, vì có những sở ngành không có đơn vị sự nghiệp
	<i>Đạt 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 100% = 0,4; Từ 50% đến dưới 80% = 0,3; Dưới 50% = 0</i>				
4.1.2	Tỷ lệ công chức, viên chức thực hiện cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt	1,5	1	nt	
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0</i>				
4.2	Thực hiện chính sách tinh giản biên chế		1		Thêm mới TC
4.2.1	Ban hành kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm		0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	
	<i>Ban hành kịp thời = 0,5; Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
4.2.2	Mức độ thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch hàng năm		0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 100% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>				
4.3	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về tổ chức bộ máy	1	1	nt	Bổ sung thêm thang điểm: Thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định = 0,5
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định, bộ máy tinh gọn, hiệu quả = 1;</i>				
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định = 0,5;</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định, bộ máy còn công kênh, kém hiệu quả = 0</i>				
4.4	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành; các đơn vị thuộc và trực thuộc	2	2		
4.4.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành.	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
4.4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành	1	1	Điều tra xã hội học	Trường hợp không có đơn vị trực thuộc thì chấm điểm =1
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
4.5	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành	3	1,5		
4.5.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có KHKT riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì xây dựng kế hoạch lồng ghép nhưng phải cụ thể, chi tiết)	1	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	
	<i>Có kế hoạch kiểm tra số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc: Trên 50% = 0,5; Từ 30% đến 50% = 0,25; Dưới 30% hoặc không có kế hoạch = 0</i>				
4.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 0,4</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch = 0,3</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
4.5.3	Báo cáo kết quả kiểm tra (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có báo cáo kiểm tra riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì khi làm báo cáo năm phải lồng ghép báo cáo kiểm tra nhưng phải cụ thể)	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo kiểm tra của sở, ban, ngành	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
4.6	Thực hiện phân cấp quản lý	3	1,5		
4.6.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0</i>				
4.6.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có KHKT riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì xây dựng kế hoạch lồng ghép nhưng phải cụ thể trong kế hoạch khác)	1	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch, báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có kế hoạch kiểm tra số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc: Trên 50% = 0,5; Từ 30% đến 50% = 0,25; Dưới 30% hoặc không có kế hoạch = 0</i>				
4.6.3	Báo cáo kết quả kiểm tra (Đối với các cơ quan có đơn vị trực thuộc thì phải có báo cáo kiểm tra riêng; đối với cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì khi làm báo cáo năm phải lồng ghép báo cáo kiểm tra nhưng phải cụ thể)	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo kiểm tra của sở, ban, ngành	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
4.7	Quy chế làm việc của sở, ban, ngành	1	1,5		Sửa đổi tên TC thành Quy chế làm việc; thêm mới TCTP
4.7.1	Có ban hành quy chế làm việc		0,5	Căn cứ TLKC: Quy chế làm việc	Thêm mới TCTP
	<i>Có ban hành quy chế = 0,5; không ban hành = 0</i>				
4.7.2	Kết quả thực hiện quy chế làm việc	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	16	15		
5.1	Tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức, viên chức	3	4		
5.1.1	Tỷ lệ sử dụng biên chế công chức, viên chức được giao hàng năm		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Thêm mới TCTP nhằm đánh giá việc sử dụng biên chế ở các sở, ban, ngành tránh lãng phí biên chế
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
5.1.2	Thực hiện bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Gộp lại cả công chức, viên chức
	<i>Thực hiện bố trí công chức, viên chức đúng quy định: Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>				
5.1.3	Thực hiện việc xếp ngạch công chức, viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>				
5.2	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định	2	2		Sửa đổi tên TC cho phù hợp
5.2.1	Tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định (đúng nội dung, quy trình, thẩm quyền, thời gian và báo cáo kết quả kịp thời)	2	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>				
5.2.2	Tính chính xác, khách quan, công bằng công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm		1	Điều tra xã hội học	Thêm mới TCTP
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.3	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức		2		Thêm mới TC do trước đây chưa có
5.3.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của sở, ban, ngành		1	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	
	<i>Ban hành kịp thời = 1; Ban hành không kịp thời = 0,5; Không ban hành = 0</i>				
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của sở, ban, ngành		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CCVC	3	3		
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của sở, ban, ngành	1	0,5	Căn cứ TLKC: Kế hoạch của sở, ban, ngành	
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 của năm kế hoạch = 0,5; Ban hành không kịp thời = 0,25; Không ban hành = 0</i>				
5.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của của sở, ban, ngành	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5; Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4; Thực hiện từ 50 đến dưới 80% kế hoạch = 0,3; Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
5.4.3	Tỷ lệ cán bộ, CCVC được đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm trong năm	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức = 1; Từ 50% đến dưới 70% số cán bộ, công chức = 0,5; Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0</i>				
5.4.4	Cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung của tỉnh		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Thêm mới TCTP này để đánh giá mức độ tham gia tập huấn đào tạo tập trung của sở, ban, ngành
	<i>Cử tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền = 1; Không tham gia đầy đủ = 0</i>				
5.5	Chất lượng CCVC	4	4		
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.3	Thái độ phục vụ của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Không có = 1; Có = 0</i>				
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	4	4		
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại sở, ban, ngành; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	4	3		
6.1.1	Việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại sở, ban, ngành; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các đơn vị trực thuộc	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	Gộp lại cả cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp vì có một số sở ngành không có đơn vị sự nghiệp
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>				
6.1.2	Tỷ lệ đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1	1	nt	
	<i>Đạt 100% số đơn vị = 1; Từ 90% đến dưới 100% số đơn vị = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% số đơn vị = 0,5; Dưới 80% số đơn vị = 0</i>				
6.1.3	Đánh giá mức thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, CCVC hàng tháng do tiết kiệm chi tiêu		1	nt	Thêm mới TCTP để đánh giá hiệu quả việc tiết kiệm chi tại cơ quan, đơn vị; chia điểm trong TC 6.1
	<i>Trên 500 ngàn đồng/người/tháng = 1;</i>				
	<i>Từ 300 ngàn đến dưới 500 ngàn đồng/người/tháng = 0,75;</i>				
	<i>Từ 100 ngàn đến dưới 300 ngàn đồng/người/tháng = 0,5;</i>				
	<i>Có thu nhập dưới 100 ngàn đồng/người/tháng = 0,25;</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Không có thu nhập tăng thêm = 0</i>				
6.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	2	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15	15		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ban, ngành	7	7		
7.1.1	Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT theo quy định (Đánh giá, xếp loại của Sở TTTT) Ban hành KH ứng dụng CNTT hàng năm và tổ chức thực hiện	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của sở, ban, ngành	
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Tốt = 1;</i>				
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Khá = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Trung bình = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định, xếp loại Yếu, Kém = 0</i>				
7.1.2	Đánh giá tỷ lệ cán bộ, CCVC sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	1	1	Sở TT&TT đánh giá	Trước đây là điều tra XHH
	<i>Tỷ lệ thực hiện từ 80 đến 100% đạt Tốt = 1;</i>				
	<i>Tỷ lệ thực hiện từ 50 đến dưới 80% đạt Trung bình = 0,5;</i>				
	<i>Tỷ lệ thực hiện dưới 50% xếp loại Yếu, Kém = 0</i>				
7.1.3	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Cho điểm tối đa đối với các đơn vị không có dịch vụ công)	2	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở TTTT	Sẽ cho điểm tối đa đối với các đơn vị không có dịch vụ công
	<i>Tỷ lệ dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0.</i>				
7.1.4	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	2	3	nt	Bổ sung thêm đối với những đơn vị có triển khai phần mềm QLVB xuống đơn vị cấp 2 trực thuộc.
	<i>Thực hiện tốt = 2; Thực hiện khá = 1;</i>				
	<i>Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>				
	Nếu có triển khai về đơn vị cấp 2 được cộng thêm 1 điểm				
7.1.5	Triển khai phần mềm Quản lý nhân sự (Phân hệ quản lý hồ sơ)		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Thực hiện tốt = 1; Thực hiện khá = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>				
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	4	3	Sở TT&TT trực tiếp kiểm tra, theo dõi và đánh giá	
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin cung cấp	1	1		Trước đây là điều tra XHH
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước cung cấp	1	1		Trước đây là điều tra XHH
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1	1		Trước đây là điều tra XHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7.3	Áp dụng ISO 9001 trong hoạt động của sở, ban, ngành	4	5	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở KH&CN	Trước đây chỉ quy định thực hiện ISO nhưng chưa có phần đánh giá áp dụng TTHC của cơ quan đơn vị vào ISO.
	Xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với các thủ tục hành chính:				
	<i>Thực hiện duy trì tốt và áp dụng 100% các thủ tục hành chính = 5</i>				
	<i>Thực hiện duy trì tốt và áp dụng trên 60% thủ tục hành chính = 4</i>				
	<i>Thực hiện duy trì chưa tốt và áp dụng trên 60% các thủ tục hành chính hoặc duy trì tốt và áp dụng dưới 60% các thủ tục hành chính = 3</i>				
	<i>Thực hiện duy trì chưa tốt, áp dụng dưới 60% các thủ tục hành chính = 2</i>				
	<i>Không thực hiện duy trì hệ thống quản lý chất lượng = 0</i>				
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	10	10		
8.1	Xây dựng, triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2	2	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông = 2</i>				
	<i>Không có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại nhưng vẫn thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại một đầu mối = 1</i>			Căn cứ TLKC: Sở theo dõi tiếp nhận và trả kết quả của sở, ban, ngành	Quy định cụ thể đối với các sở, ban, ngành không có TTHC hoặc chưa xây dựng được Bộ phận một cửa nhưng vẫn thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa thì chấm = 1
	<i>Không thực hiện = 0</i>				
8.2	TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2	2		
8.2.1	Số lượng TTHC giải quyết qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Nâng cao tỷ lệ TTHC giải quyết qua Bộ phận một cửa, một cửa liên thông để công khai giao dịch với tổ chức, người dân
	<i>Đạt 100% số lượng TTHC = 1;</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số lượng TTHC = 0,75;</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% số lượng TTHC = 5;</i>				
	<i>Từ 30% đến dưới 50% số lượng TTHC = 0,25;</i>				
	<i>Dưới 30% số lượng TTHC = 0</i>				
8.2.2	Việc tuân thủ và tổ chức thực hiện các TTHC đúng quy định (về chất lượng, trình tự, thời gian giải quyết,...)		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ, Sở TP	Thêm mới TCTP để đánh giá chất lượng, trình tự, thời gian giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo TTHC đúng quy định: 100% = 1; Từ 90 đến dưới 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 90% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>				
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2	3		Chia ra các TCTP cụ thể hơn
8.3.1	Bố trí phòng làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của các sở, ban, ngành và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có bố trí và đảm bảo diện tích đúng quy định = 1; Có bố trí nhưng diện tích chưa đúng quy định = 0,5; Không bố trí = 0</i>				
8.3.2	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị (bàn, ghế làm việc, bàn ghế ngồi chờ, điều hòa, quạt,...) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1	nt	
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 1; Có bố trí nhưng chưa đầy đủ = 0,5; Không có = 0</i>				
8.3.3	Bố trí hệ thống tin học (đủ số lượng máy tính, có kết nối mạng, ứng dụng hệ thống phần mềm dùng chung,...) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		1	nt	Thêm mới TCTP này để đánh giá sự đầu tư của các sở, ban, ngành
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 1; Có bố trí nhưng chưa đầy đủ = 0,5; Không có = 0</i>				
8.4	Chất lượng phục vụ và giải quyết thủ tục hành chính	4	3		
8.4.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0</i>				
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC của sở, ban, ngành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đảm bảo đúng (hoặc sớm hơn) quy định = 1; Chưa đúng quy định = 0</i>				
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC của sở, ban, ngành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0</i>				
II	NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM THƯỜNG		5		
1	Có đề tài, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, ban hành bằng văn bản.		1		
2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành.		1		
3	Có triển khai thực hiện thu hút nhân tài về công tác tại cơ quan, đơn vị.		1		
4	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 hoặc mức độ 4.		1		
5	Có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại.		1		
III	NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM TRỪ		-5		
1	Để xảy ra tham nhũng, lãng phí hoặc sai phạm trong quản lý mà công chức viên chức liên quan bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý trách nhiệm hình sự.		-1		
2	Không công khai, minh bạch tiếp cận các thông tin, tài liệu đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định.		-1		
3	Để xảy ra tình trạng chậm trễ, sai sót dẫn đến phản ánh của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị.		-1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
4	Tổ chức điều tra xã hội học không đúng đối tượng, để xảy ra tình trạng sai sót trong phiếu điều tra (sửa chữa, tẩy xóa,...) vượt 5% tổng số phiếu.		-1		
5	Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, thiếu khách quan, sai số quá 5% so với điểm thẩm định		-1		
	Tổng cộng	100	100		

Trong đó:

1. Về bố cục: Chia thành 3 nhóm:

a. Nhóm tiêu chí đánh giá theo lĩnh vực:

+Giữ nguyên 8 lĩnh vực như trước đây;

+Có 38 Tiêu chí (trước đây là 34 Tiêu chí), tăng 4 Tiêu chí do tách từ các tiêu chí thành phần hoặc thêm mới Tiêu chí để đánh giá toàn diện hơn.

+Có 91 Tiêu chí thành phần (trước đây là 85 tiêu chí thành phần), tăng 6 Tiêu chí thành phần.

b. Nhóm tiêu chí điểm thưởng: Có 5 tiêu chí thưởng.

c. Nhóm tiêu chí điểm trừ: Có 5 tiêu chí trừ điểm.

2. Về điểm số: Tổng số là 100 điểm, trong đó:

+Điểm tự đánh giá: 77 điểm (trước đây là 75 điểm), tăng 2 điểm;

+Điểm điều tra xã hội học: 18 điểm (trước đây là 25 điểm), giảm 7 điểm.

+Điểm thưởng: 5 điểm;

+Điểm trừ: 5 điểm.